

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2022/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, TC, LĐ - TB và XH, TP;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH). *llh*



CHỦ TỊCH *llh*

Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình *(sau đây gọi tắt là Sở, Ngành và địa phương)*.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ngành và địa phương.

3. Thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách Nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý Nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.



Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ



Mục 1 TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu năm 2021.
2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
3. Huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là cấp huyện*); xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi tắt là cấp xã*) của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.
4. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.
 - a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện.

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan chủ trì Tiểu dự án*); tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện.

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$\mathbb{D}_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$\mathbb{D}_i$ là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình (trừ phần vốn ngân sách Trung ương giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho Sở Y tế (Cơ quan chủ trì tiểu dự án); tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện	Hệ số
Trên 15%	1,6
Từ 10% đến 15%	1,4
Từ 5% đến dưới 10%	1,2
Dưới 5%	1,0

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương để phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình (*Trừ phần vốn ngân sách Trung ương giao cho Sở Y tế*).

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Phân bổ 100% ngân sách Trung ương của Tiêu dự án 1 cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn của cấp huyện	Hệ số
Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 800 người/năm	0,6
Từ 800 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống kê.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$



Trong đó:

K_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị cấp huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương của Tiểu dự án để đầu tư cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án tối đa 30% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan chủ trì Tiểu dự án*), tối thiểu 70% cho cấp huyện.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện

Đơn vị cấp huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên	Hệ số
Dưới 60.000 người	1,0
Từ 60.000 đến dưới 70.000 người	1,3
Từ 70.000 đến dưới 80.000 người	1,6
Từ 80.000 người trở lên	1,9

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện căn cứ vào số liệu năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh.

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và du lịch (*Cơ quan chủ trì tiểu dự án*); tối thiểu 70% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 (*trừ phần vốn ngân sách Trung ương giao cho Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch*); D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của cấp huyện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: tối đa 35% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*Cơ quan chủ trì tiểu dự án*) và các đơn vị liên quan; tối thiểu 65% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện.

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6 (trừ phần vốn ngân sách Trung ương giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 50% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*Cơ quan chủ trì dự án*) và các đơn vị có liên quan; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 10%	0,5
Từ 10% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 2.500 hộ	0,45
Từ 2.500 đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	Hệ số
Dưới 9 xã	1,0
Từ 9 đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện.

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 7 (trừ phần vốn ngân sách Trung ương giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, Ngành liên quan).

Điều 10. Quy định mức phân bổ nguồn vốn đối với các Dự án, Tiểu dự án, vốn ngân sách Trung ương phân bổ thấp, không đủ nguồn lực để thực hiện

Trường hợp số vốn ngân sách Trung ương phân bổ hàng năm cho tỉnh để thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình thấp; sau khi áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo nghị quyết này mà số vốn phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện không đảm bảo để triển khai các Dự án, Tiểu dự án tại địa phương thì đề xuất phân bổ vốn cho từ 1 đến 3 địa phương (trong đó, ưu tiên phân bổ vốn cho địa phương có tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao) hoặc đề xuất phân bổ 100% vốn cho cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm Chương trình.

Mục 2

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 11. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025

Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, thị xã, thành phố) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, cụ thể: Đối với nguồn kinh phí ngân sách Trung ương phân bổ chuyển về cho cấp huyện thì ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 10%, ngân sách cấp huyện đối ứng tối thiểu 5%; Đối với nguồn kinh phí ngân sách Trung ương phân bổ giữ lại chuyển cho cơ quan chủ trì các Dự án, Tiểu dự án thì ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 15%./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH